

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2012

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012.

CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 28/03/2011.
- Trụ sở chính của Công ty:
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : (031)3 854 626
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2012, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính .

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 1 năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

DVT: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	31/12/2011
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		149.922.548.984	407.629.694.157
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.165.878.378	4.565.415.921
1. Tiền	111		8.165.878.378	4.565.415.921
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			214.364.447.934
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2		214.364.447.934
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.995.655.358	48.020.769.948
1. Phải thu của khách hàng	131		14.384.400.000	12.464.200.000
2. Trả trước cho người bán	132		26.580.751.086	360.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	27.030.504.272	35.196.569.948
IV. Hàng tồn kho	140		73.649.285.064	138.970.393.176
1. Hàng tồn kho	141	5.4	73.649.285.064	138.970.393.176
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.730.184	1.708.667.178
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		111.730.184	185.324.654
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			1.523.342.524
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		259.766.175.485	3.074.681.802
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220	5.5	2.815.672.656	2.929.073.436
1. TSCĐ hữu hình	221		2.813.408.657	2.924.545.436
- Nguyên giá	222		3.269.363.530	3.269.363.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(455.954.873)	(344.818.094)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227		2.263.999	4.528.000
- Nguyên giá	228		27.168.000	27.168.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.904.001)	(22.640.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.6	256.824.447.934	
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		256.824.447.934	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		126.054.895	145.608.366
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	126.054.895	145.608.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		409.688.724.469	410.704.375.959

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	31/12/2011
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		93.763.913.032	110.413.836.044
I. Nợ ngắn hạn	310		93.763.913.032	110.413.836.044
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	7.000.000.000	22.519.554.000
2. Phải trả cho người bán	312		4.942.418.555	
3. Người mua trả tiền trước	313		21.300.499.253	23.340.543.253
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	4.540.457.942	8.393.562.840
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			175.638.669
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	47.092.108.000	47.092.108.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	8.888.429.282	8.892.429.282
II. Nợ dài hạn	330			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		315.924.811.437	300.290.539.915
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	315.924.811.437	300.290.539.915
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.316.000.000	14.336.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		201.608.811.437	185.954.539.915
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		409.688.724.469	410.704.375.959


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu			31/03/2012	31/12/2011
5. Ngoại tệ các loại (USD)	N05		506,58	506,49



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2012


Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012		Năm 2011	
		Quý 1 năm 2012	Lũy kế 31/03/2012	Quý 1 năm 2011	Lũy kế 31/03/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.917.447.033	95.917.447.033	223.791.076.321	223.791.076.321
2. Các khoản giảm trừ				518.181.818	518.181.818
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại				518.181.818	518.181.818
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	5.13	95.917.447.033	95.917.447.033	223.272.894.503	223.272.894.503
4. Giá vốn hàng bán	5.14	79.213.585.346	79.213.585.346	189.907.540.392	189.907.540.392
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		16.703.861.687	16.703.861.687	33.365.354.111	33.365.354.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.15	152.583.860	152.583.860	2.708.194.707	2.708.194.707
7. Chi phí tài chính	5.16	406.848.044	406.848.044	2.561.618.640	2.561.618.640
- Trong đó: Lãi vay phải trả		395.183.430	395.183.430	2.004.560.650	2.004.560.650
8. Chi phí bán hàng		439.786.321	439.786.321	2.990.984.070	2.990.984.070
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		335.539.660	335.539.660	678.154.838	678.154.838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		15.674.271.522	15.674.271.522	29.842.791.270	29.842.791.270
11. Thu nhập khác					
12. Chi phí khác		20.000.000	20.000.000		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(20.000.000)	(20.000.000)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		15.654.271.522	15.654.271.522	29.842.791.270	29.842.791.270
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.17				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		15.654.271.522	15.654.271.522	29.842.791.270	29.842.791.270



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)- Lũy kế từ đầu năm


Chỉ tiêu	Mã số	31/03/2012	31/03/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15,654,271,522	29,842,791,270
2. Điều chỉnh cho các khoản		113,400,780	39,551,619
- Khấu hao tài sản cố định	02		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	05	11,664,614	(1,180,507,010)
- Chi phí lãi vay	06	395,183,430	2,004,560,650
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16,174,520,346	30,706,396,529
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(18,615,791,360)	26,756,592,482
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	65,321,108,112	30,684,549,845
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1,126,369,012)	5,464,308,352
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	93,147,941	85,157,967
- Tiền lãi vay đã trả	13	(395,183,430)	(2,004,560,650)
- Thuế TNDN đã nộp	14		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(24,000,000)	(45,000,000)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61,427,432,597	91,647,444,525
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	22		
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100,000,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6,000,000,000	100,000,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(48,460,000,000)	
5. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	152,583,860	556,389,707
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(42,307,416,140)	556,389,707
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7,000,000,000	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22,519,554,000)	(22,500,000,000)
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15,519,554,000)	(22,500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	3,600,462,457	69,703,834,232
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4,565,415,921	19,829,288,638
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	8,165,878,378	89,533,122,870



Vũ Văn Cảnh

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2012


 Hồ Thị Xuân Hoà
 Kế toán trưởng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 28/03/2011.

Vốn Điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 là 20 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, romooc và bán romooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi số kế toán.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá gộp đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trngj yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	6,726,529,316	4,493,983,509
Tiền gửi ngân hàng	1,439,349,062	71,432,412
Tổng cộng	8,165,878,378	4,565,415,921

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt vay theo các hợp đồng		214,364,447,934
Tổng cộng	-	214,364,447,934

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	27,030,504,272	25,855,190,766
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2,417,586,083
Tiền lãi vay phải thu Công ty CP TM Hưng Việt		6,923,793,099
Tổng cộng	27,030,504,272	35,196,569,948

(*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng (xem thuyết minh số 5.17 dưới đây)

5.4 Hàng tồn kho

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13,576,077,156	13,532,179,563
Thành phẩm		
Hàng hóa	60,073,207,908	31,158,910,757
Hàng gửi bán		94,279,302,856
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	73,649,285,064	138,970,393,176

5.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình.	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá	3,031,972,727	237,390,803	3,269,363,530
Tại ngày 01/01/2012	3,031,972,727	237,390,803	3,269,363,530
Tăng trong kỳ			-
Mua trong kỳ			-
Giảm trong kỳ			-
Thanh lý, nhượng bán			-
Tại ngày 31/03/2012	3,031,972,727	237,390,803	3,269,363,530
Hao mòn lũy kế			-
Tại ngày 31/12/2011	230,861,384	113,956,710	344,818,094
Khấu hao trong kỳ	97,764,771	13,372,008	111,136,779
Thanh lý, nhượng bán			-
Tại ngày 31/03/2012	328,626,155	127,328,718	455,954,873
Giá trị còn lại	2,703,346,572	110,062,085	2,813,408,657
Tại ngày 01/01/2012	2,801,111,343	123,434,093	2,924,545,436
Tại ngày 31/03/2012	2,703,346,572	110,062,085	2,813,408,657
			-
			-
Tài sản cố định vô hình			-
Nguyên giá tại ngày 01/01/2012		27,168,000	27,168,000
Hao mòn lũy kế đến ngày 31/03/2012		24,904,001	24,904,001
Giá trị còn lại đến ngày 31/03/2012		2,263,999	2,263,999

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Khoản đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần thương mại Hưng Việt	256,824,447,934	
Tổng cộng	256,824,447,934	-

Thể hiện khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền góp vốn theo hợp đồng 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng) mục đích góp vốn vào Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt để cùng nhau hợp tác kinh doanh thực hiện dự án “ Golden land Building”. Thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2014.

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tại ngày 01/01/	145,608,366	254,603,325
Tăng trong kỳ	11,654,545	11,809,091
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong	(31,208,016)	(120,804,050)
Tại ngày 31/03/2012	126,054,895	145,608,366

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngân hàng TMCP Á Châu – CN HP	7,000,000,000	22,519,554,000
Tổng cộng	7,000,000,000	22,519,554,000

(*) Khoản vay 2012, vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HAP.DN.05160511/HMTD ngày 18/05/2011 ; theo đó hạn mức tín dụng là 111.00.000.000 đồng; Khoản vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại xe vận tải; Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; Lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Á Châu quy định từng thời kỳ. Tiền gốc trả vào cuối kỳ. Tiền lãi trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng 256,50 m² đất cùng với tài sản gắn liền với đất tại Biệt thự số 183 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Quyền sử dụng 59,2 m² đất cùng với tài sản trên đất tại số 324C (số 326 cũ) Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Quyền sử dụng 92 m² đất cùng với tài sản trên đất tại số 212 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cùng toàn bộ nhà xưởng và vật kiến trúc trên đất được xây dựng trên 44.767,6 m² đất thuê tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	3,255,860,660	2,417,586,082
Thuế nhập khẩu		4,691,379,476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,280,397,282	1,280,397,282
Thuế thu nhập cá nhân	4,200,000	4,200,000
Tổng cộng	4,540,457,942	8,393,562,840

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý I năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,092,108,000	47,092,108,000
Phải trả cá nhân		
Tổng cộng	47,092,108,000	47,092,108,000

(*)- Như trình bày tại thuyết minh số 5.18 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

5.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	6,020,759,522	6,020,759,522
Quỹ phúc lợi	2,867,669,760	2,871,669,760
Tổng cộng	8,888,429,282	8,892,429,282

5.12 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2011	100,000,000,000	14,336,000,000	185,954,539,915	300,290,539,915
Lãi trong kỳ			15,654,271,522	15,654,271,522
Chia cổ tức				-
Trích lập quỹ KTPL				-
Tại ngày 31/03/2012	100,000,000,000	14,336,000,000	201,608,811,437	315,944,811,437

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp đến 31/12/2011	
	VND	%	VND	VND
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54,00	54.000.000.000	54.000.000.000
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85	23.850.000.000	23.850.000.000
Mai Trang	4.050.000.000	4,05	4.050.000.000	4.050.000.000
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05	4.050.000.000	4.050.000.000
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05	4.050.000.000	4.050.000.000
Cổ đông khác	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	
Cộng	100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	90.000.000.000

	31/03/2012	31/03/2011
	VND	VND
5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	95,304,545,465	222,781,091,600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	612,901,568	491,802,903
Tổng cộng	95,917,447,033	223,272,894,503
5.14 Giá vốn	31/03/2012	31/03/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	78,695,223,332	189,731,478,936
Giá vốn của dịch vụ	518,362,014	176,061,456
Tổng cộng	79,213,585,346	189,907,540,392
5.15 Doanh thu hoạt động tài chính	31/03/2012	31/03/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17,037,932	53,806,374
Thu lãi từ hoạt động cho vay	135,545,928	502,583,333
Lãi từ chênh lệch tỷ giá		2,151,805,000
Tổng cộng	152,583,860	2,708,194,707
5.16 Chi phí tài chính	31/03/2012	31/03/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	395,183,430	2,004,560,650
Chênh lệch tỷ giá	11,664,614	557,057,990
Tổng cộng	406,848,044	2,561,618,640
5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	31/03/2012	31/03/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15,674,271,522	29,842,791,270
Thu nhập chịu thuế	15,674,271,522	29,842,791,270
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (25%)	3,918,567,881	7,460,697,818
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(3,918,567,881)	(7,460,697,818)
Thuế TNDN		

(*) Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

5.18 Cam kết góp vốn Liên doanh

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International dự kiến thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam lần lượt là 15.000.000 USD và 85.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Pruksa International lần lượt là 15% và 85%).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

5.19 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Mua hàng hoá, dịch vụ	4.584.498.555
Giá trị hàng hoá dịch vụ đã cung cấp	35.200.000

Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt

Thu nhập từ lãi cho vay	135.545.928
-------------------------	-------------

6. PHÂN TÍCH CHI TIÊU KINH DOANH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này là:

- * Miền bắc : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Bắc.
- * Miền Trung : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Trung
- * Miền Nam : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Nam

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau.

Doanh thu thuần về cung cấp hàng hóa dịch vụ :	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/03/2012	31/03/2012	31/03/2012	
DT cung cấp hàng hóa	39,959,090,917	40,736,363,638	14,609,090,910	95,304,545,465
DT cung cấp dịch vụ	612,901,568			612,901,568
Tổng cộng	40,571,992,485	40,736,363,638	14,609,090,910	95,917,447,033

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/03/2012	31/03/2012	31/03/2012	
Giá vốn của hàng hóa	33,531,997,097	32,991,112,989	12,172,113,246	78,695,223,332
Giá vốn của dịch vụ	518,362,014			518,362,014
Tổng cộng	34,050,359,111	32,991,112,989	12,172,113,246	79,213,585,346

Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/03/2012	31/03/2012	31/03/2012	
Lợi nhuận gộp từ hàng hóa	6,427,093,820	7,745,250,649	2,436,977,664	16,609,322,133
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	94,539,554			94,539,554
Tổng cộng	6,521,633,374	7,745,250,649	2,436,977,664	16,703,861,687

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUYSố 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý 1 năm 2012

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu của khách hàng	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/03/2012	31/03/2012	31/03/2012	
Phải thu của khách hàng	8,740,100,000	4,414,000,000	1,230,300,000	14,384,400,000
Trả trước cho người bán	DN nước ngoài		DN trong nước	Tổng cộng
	31/03/2012		31/03/2012	
Trả trước cho người bán	26,223,751,086		357,000,000	26,580,751,086

Các khoản phải trả ngắn hạn

Khách hàng trả tiền trước	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	31/03/2012	31/03/2012	31/03/2012	
Khách hàng trả tiền trước	11,420,549,253	4,944,800,000	4,935,150,000	21,300,499,253
Phải trả cho người bán	DN nước ngoài		DN trong nước	Tổng cộng
	31/03/2012		31/03/2012	
Phải trả cho người bán			4,942,418,555	4,942,418,555

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2011. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KRESTON ACA Việt Nam).

7.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 1 năm 2012 so với quý 1 năm 2011.

Do đặc thù kinh doanh chính của doanh nghiệp là kinh doanh dòng xe tải nặng, xe ben phục vụ chủ yếu cho các công trình xây dựng.

Trong thời gian qua do ngân hàng thắt chặt các nguồn vốn vay đầu tư xây dựng bất động sản, nên thị trường xây dựng, kinh doanh bất động sản gặp rất nhiều khó khăn hầu như không phát triển, đã kéo theo các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải vào tình trạng khó khăn chung. Các doanh nghiệp không có điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư tài sản, không có nguồn cung cấp vận tải nên việc đầu tư mua sắm xe ô tô trở nên hạn chế.


Vì vậy lợi nhuận quý 1 năm 2012 so với quý 1 năm 2011 đã giảm là 14.168.519.748 tương đương với giảm 47%.



Vũ Văn Cảnh

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2012



Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng